

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHC NHÀ NƯỚC
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 13, TẠI ĐẢNG BỘ TPTN**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Đào Thị Kim Anh	1	01	7.5	Bảy rưỡi	
2	Lê Thị Chanh	2	02	8.0	Tám	
3	Nguyễn Thành Chung	3	03	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Thùy Dung	4	04	7.0	Bảy	
5	Vũ Thị Thùy Dương	5	05	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Duyên	6	06	7.0	Bảy	
7	Vũ Đình Đề	7	07	6.5	Sáu rưỡi	
8	Hoàng Văn Điệp	8	08	7.5	Bảy rưỡi	
9	Đỗ Minh Đức	9	09	8.0	Tám	
10	Nguyễn Minh Đức	10	10	7.5	Bảy rưỡi	
11	Lê Thị Giang	11	11	7.0	Bảy	
12	Trần Thị Hương Giang	12	12	8.5	Tám rưỡi	
13	Nguyễn Thị Hải Hà	13	13	8.0	Tám	
14	Lương Thị Thu Hà	14	14	7.0	Bảy	
15	Hà Văn Hải	15	-	-	-	Vắng thi
16	Ngô Thị Hạnh	16	15	7.5	Bảy rưỡi	
17	Hà Thị Hằng	17	16	7.5	Bảy rưỡi	
18	Phạm Thị Thu Hằng	18	17	8.0	Tám	
19	Vũ Thị Thu Hằng	19	18	7.0	Bảy	
20	Trần Thị Hảo	20	19	7.0	Bảy	
21	Lê Thị Thúy Hiền	21	20	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thanh Hiền	22	21	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	23	22	7.0	Bảy	
24	Nguyễn Minh Huệ	24	23	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Anh Hùng	25	24	7.0	Bảy	
26	Hoàng Thị Hưng	26	25	7.0	Bảy	
27	Trịnh Thị Thu Hương	27	26	7.0	Bảy	
28	Trần Thị Hương	28	27	7.0	Bảy	
29	Phùng Thị Huyền	29	28	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30	29	7.0	Bảy	
31	Nguyễn Thanh Huyền	31	30	7.0	Bảy	
32	Hà Quang Khánh	32	31	7.0	Bảy	
33	Vũ Chí Kiên	33	32	7.0	Bảy	
34	Đoàn Thị Nhật Linh	34	33	7.0	Bảy	
35	Trần Thị Diệu Linh	35	34	8.0	Tám	
36	Trần Thị Tuyết Loan	36	35	7.0	Bảy	
37	Phùng Thị Thanh Loan	37	36	8.0	Tám	
38	Đỗ Thị Hồng Nga	38	37	7.0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Thúy Nga	39	38	8.5	Tám rưỡi	
40	Nguyễn Thị Bích Ngọc	40	39	7.0	Bảy	
41	Phạm Chí Nguyên	41	40	8.0	Tám	
42	Đinh Thị Nhài	42	41	7.5	Bảy rưỡi	
43	Cà Nguyễn Linh Phương	43	42	7.5	Bảy rưỡi	
44	Vũ Thị Thanh Phương	44	43	7.5	Bảy rưỡi	
45	Vũ Thị Minh Quý	45	44	7.0	Bảy	
46	Lương Ngọc Quỳnh	46	45	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Huyền Sâm	47	46	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Hồng Thái	48	47	7.0	Bảy	
49	Nông Thị Hồng Thắm	49	48	7.0	Bảy	
50	Trịnh Đức Thắng	50	49	7.0	Bảy	
51	Nguyễn Thị Hoài Thanh	51	50	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Vũ Quyết Thanh	52	51	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Thị Thảo	53	52	7.0	Bảy	
54	Trịnh Đức Thảo	54	53	7.0	Bảy	
55	Ngô Thị Phương Thảo	55	54	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Thị Thơm	56	55	7.0	Bảy	
57	Ngô Thị Thu Thuận	57	56	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Trung Thường	58	57	8.0	Tám	
59	Nguyễn Hồng Thúy	59	58	7.0	Bảy	
60	Lương Thị Thanh Thúy	60	59	7.5	Bảy rưỡi	
61	Dương Thị Thu Thủy	61	60	7.5	Bảy rưỡi	
62	Lê Thị Thủy	62	61	7.5	Bảy rưỡi	
63	Bùi Thị Thủy	63	62	7.5	Bảy rưỡi	
64	Trần Mạnh Thủy	64	63	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Văn Trọng	65	64	8.0	Tám	
66	Nguyễn Xuân Trường	66	65	7.0	Bảy	
67	Hoàng Anh Tuấn	67	66	7.0	Bảy	
68	Phạm Quang Tùng	68	67	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thị Tuyết	69	68	8.0	Tám	
70	Nguyễn Tiên Việt	70	69	7.0	Bảy	
71	Nguyễn Hương Xoan	71	70	7.0	Bảy	
72	Trần Thị Hải Yến	72	71	7.5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Đức Toàn	73	72	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên